

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ BỒNG
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2024/HS-ST

Ngày 10 - 10 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ BỒNG, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Diễn

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Lê Minh Nhu;

+ Bà Ngô Thị Bích Hải.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Anh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Bồng tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Trọng Nghĩa, ông Huỳnh Tấn H - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1068/2024/QĐXXST- HS ngày 11 tháng 9 năm 2024 và Thông báo hoãn phiên tòa số 1148/TB-TA ngày 23 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Quốc Hưng T. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 19/8/2001 tỉnh Quảng Ngãi; Nơi thường trú: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi tạm trú: Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Sửa xe honda; Con ông Trần Văn B, sinh năm 1974; Con bà Trần Thị N, sinh năm 1974; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị bắt, tạm giam ngày 07/10/2024, “có mặt”;

* Bị hại:

1. Anh Đỗ Văn T1, sinh năm 1983. Nơi cư trú: TDP C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, “vắng mặt”;

2. Chị Huỳnh Thuận L, sinh năm 1987. Nơi cư trú: TDP C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. “vắng mặt”;

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Chị Nguyễn Thị Kiều T2, sinh năm 1987. Nơi cư trú: TDP D, thị trấn D, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi “vắng mặt”;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 31/12/2023 Trần Quốc Hưng T, sinh ngày 19/8/2001, nơi thường trú: thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; nơi tạm trú: TDP C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi đến nhà ông Đỗ Văn T1, sinh năm 1983, trú tại TDP C, thị trấn T, huyện T chơi, T thấy tại sân nhà anh T1 có 01 thẻ ATM Ngân hàng A, nên T lấy và bỏ vào túi quần của mình. Đến ngày 16/02/2024 khi đang ở tiệm S1, thị trấn T, huyện T, bạn của T là Huỳnh Tấn P nhờ T đi rút tiền dùm, P đưa cho T 01 thẻ ngân hàng T3, và nhờ rút số tiền 5.000.000đ (*năm triệu đồng*), T đến trụ rút tiền của Ngân hàng N1 (A) chi nhánh huyện T để rút tiền. Tại đây, sau khi rút tiền cho bạn xong, T nhớ trước đó mình có nhặt được 01 thẻ ATM của anh Đỗ Văn T1. Vì trước đó giữa T và T1 có giao dịch với nhau (chuyển tiền qua ứng dụng Internet banking) nên T biết trong thẻ của anh T1 có tiền, lúc này T nảy sinh ý định rút tiền từ thẻ ATM của anh T1, vì không biết mã pin (mật khẩu) của thẻ nên T nhập ngẫu nhiên mật khẩu “999999” nhưng máy B1 mật khẩu, T tiếp tục nhập mật khẩu “000000” thì máy báo đúng mật khẩu và dùng chính “000000” làm mã pin để rút tiền. T thực hiện thao tác và rút số tiền 5.000.000đ (*năm triệu đồng*) từ thẻ ATM của anh T1, sau đó T điều khiển xe mô tô 76X8 – 4456 về tiệm sửa xe, đưa thẻ và số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) mà P nhờ rút, rồi điều khiển xe mô tô nói trên đến thị trấn C, huyện B để tiếp tục rút tiền từ thẻ ATM của anh T1.

Tại thị trấn C, huyện B T đến trụ rút tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1) địa chỉ: D, Phạm Văn Đ, thị trấn C, huyện B rút 02 lần với tổng số tiền 6.000.000đ (mỗi lần Thịnh rút 3.000.000 đồng). Sau đó T tiếp tục đến trụ rút tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (M) chi nhánh huyện B, địa chỉ: D, Phạm Văn Đ, thị trấn C, huyện B rút 01 lần với số tiền 3.000.000 đồng, sau khi rút tiền xong thì T vứt bỏ thẻ ATM nói trên vào thùng đựng rác trong trụ rút tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (M) và T điều khiển xe mô tô về tiệm sửa xe tại thị trấn T.

Tổng số tiền Trần Quốc Hưng T đã rút từ thẻ ATM của ông Đỗ Văn T1 trong ngày 16/02/2024 là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 06 tháng 6 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo Trần Quốc Hưng T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng, có lời trình bày bổ sung đối với bị cáo về tình tiết tăng nặng phạm tội hai lần trở lên và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Quốc Hưng T từ 18 đến 24 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong

Vật chứng vụ án gồm:

01 (một) xe mô tô mang biển kiểm soát 76X8 – 4456, nhãn hiệu YAMAHA, số loại MIO ULTIMO, số khung: RLCM4P8307Y022056, số máy 4P83022056. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã có Thông báo số 110/TB-ĐTTH, ngày 25/4/2024 về việc tìm chủ sở hữu, tuy nhiên, đến nay chưa có kết quả. Hiện đang bảo quản tại kho vật chứng thuộc Công an huyện T, bao giờ có kết quả sẽ xử lý sau theo quy định của pháp luật.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Bồng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo và những người tham gia tố tụng

[2] Về sự vắng mặt của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Các bị hại, người có quyền lợi liên quan đến vụ án đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm, có đơn xin xét xử vắng mặt, nên vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

[3] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng; lời khai của bị hại; của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Vào ngày 16/02/2024 Trần Quốc Hưng

T có hành vi lén lút, lợi dụng sở hữu của chủ thẻ ATM Ngân hàng A là anh Đỗ Văn T1 để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tại trụ rút tiền của Ngân hàng N1 chi nhánh huyện T Thịnh rút 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*), sau đó di chuyển đến trụ rút tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1) chi nhánh huyện B, rút số tiền 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*) và đến trụ rút tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (M) chi nhánh huyện B, rút số tiền 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*), tổng số tiền bị trộm cắp là 14.000.000 đồng (*mười bốn triệu đồng*). Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, chứng cứ có trong hồ sơ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Quốc Hưng T phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Hành vi bị cáo đã xâm phạm đến quan hệ sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Lỗi là cố ý trực tiếp, bị cáo có đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, trong thời hạn chuẩn bị xét xử bị cáo bỏ trốn đã có quyết định truy nã. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết và cũng cần có mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi bị cáo thực hiện;

[5] Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng:

Tình tiết tăng nặng: Trong ngày 16/02/2024 Trần Quốc Hưng T có hành vi lén lút, lợi dụng sở hữu của chủ thẻ ATM Ngân hàng A là anh Đỗ Văn T1 để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhiều lần (Tại trụ ATM A Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp huyện T 5.000.000đ, và các điểm tại huyện B 9.000.000đ) nên xem đây là tình tiết tăng nặng (Phạm tội hai lần trở lên) quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung 2017

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi bị phát hiện bị cáo đã lấy số tiền trộm cắp được đang cất giữ giao nộp cho cơ quan có thẩm quyền để hoàn trả cho người bị hại; quá trình điều tra, truy tố người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; sau khi có quyết định truy nã bị cáo tự nguyện ra đầu thú nên xem đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trên cơ sở xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và yếu tố nhân thân, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, song cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo vừa thể hiện tính nhân đạo của pháp luật mà vẫn đạt được tính răn đe, giáo dục bị cáo, giúp bị cáo sửa chữa sai lầm.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm nghề sửa xe thu nhập không ổn định nên không áp dụng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan Điều tra đã giao hoàn lại cho các bị hại số tiền 14.000.000 đồng, các bị hại không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

[8] Về vật chứng của vụ án:

- 01 (một) cái mũ bảo hiểm, 01 (một) cái quần Jean lửng màu xám, đã qua sử dụng; 01 (một) cái áo thun ngắn tay, màu kem, đã qua sử dụng cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Trần Quốc Hưng T là có cơ sở.

- 01 (một) xe mô tô mang biển kiểm soát 76X8 – 4456, nhãn hiệu YAMAHA, số loại MIO ULTIMO, số khung: RLCM4P8307Y022056, số máy 4P83022056, màu đỏ, đã qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra có Thông báo số 110/TB - ĐTTH, ngày 25/4/2024 về việc tìm chủ sở hữu, tuy nhiên đến nay chưa có kết quả (Hiện đang bảo quản tại kho vật chứng thuộc Công an huyện T), khi nào có kết quả sẽ xử lý sau là phù hợp.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên về hình phạt tù có thời hạn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 173; điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Quốc Hưng T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc Hưng T 01 (Một) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 07/10/2024.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Quốc Hưng T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Riêng những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại UBND nơi cư trú; quyền được yêu cầu công bố hay không công bố bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Trà Bồng;
- Chi Cục THADS huyện Trà Bồng;
- Cơ quan THAHS CA huyện Trà Bồng;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Trà Bồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Diễn